

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 300/2019/DS-ST
Ngày 14-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc
2. Ông Phan Thành Luân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 630/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Võ Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: 154/33 Nguyễn K, phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 18/3 đường Nguyễn L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2018 và bản tự khai, nguyên đơn –bà Võ Thị H trình bày:

Ngày 07/5/2016 bà cho bà Nguyễn Thanh N vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) thời hạn vay là 02 tháng; ngày 27/9/2016 bà N vay thêm 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) và ngày 08/11/2016 bà N vay 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu đồng) không tính lãi suất. Sau khi vay tiền, bà N đã trốn tránh, bà liên lạc không được và bà N không trả cho bà số tiền đã vay.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thanh N trả số tiền đã vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi và không yêu cầu chồng bà N là ông Phan Châu Thành trả nợ cho bà.

Bà H có đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào giấy mượn tiền 07/5/2016; ngày 27/9/2016 và ngày 08/11/2016 thể hiện bà N có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, đến thời hạn thanh toán nhưng bà N chưa thanh toán nợ. Yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn –bà H yêu cầu bà N trả số tiền đã vay là 200.000.000 đồng, đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân không hải là tổ chức tín dụng do đó theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự; Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy :

- Xét Giấy vay tiền, mượn tiền ngày 07/5/2016; ngày 27/9/2016 và ngày 08/11/2016 có chữ ký ghi họ tên của bà Nguyễn Thanh N thể hiện bà N vay của bà H tổng số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng); không tính lãi suất. Do đó, có cơ sở xác định bà N vay mượn số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) của bà H và bị đơn chưa trả bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà N vắng mặt chứng tỏ bà N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, khoản nợ bà N vay của bà H đã quá thời hạn mà các bên thỏa thuận, bà H cũng đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả nợ nhưng phía bị đơn cố tình trốn tránh và kéo dài thời gian trả nợ, không liên lạc được. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thanh N phải trả cho bà Võ Thị H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh N phải chịu án phí là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị H số tiền 6.555.800 (sáu triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm đồng) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016728 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú